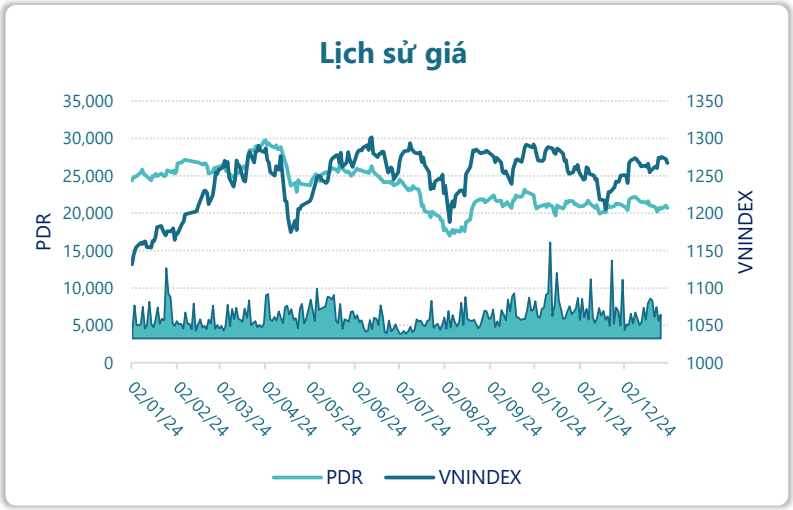
FireAnt

CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt (HSX: PDR)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**20,700**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	29,769
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	17,000
SL cổ phiếu LH	873,140,083
KLGD BQ 20 phiên (CP)	9,864,775
% sở hữu nước ngoài	7.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	18,074
P/E	34.6
EPS	599

DT thuần

Q4/24

1,844

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1,841| 70014%

YoY: ▲ 1,776| 2608%

LN sau thuế

Q4/24

369

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 318| 621%

YoY: ▲ 86.0| 30.4%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

48.3%

+/- YoY: ▼ 151%

DT thuần

2024

2,017

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1,399| 227%

LN sau thuế

2024

523

tỷ VNĐ

YoY: ▼160| -23.4%

ROE

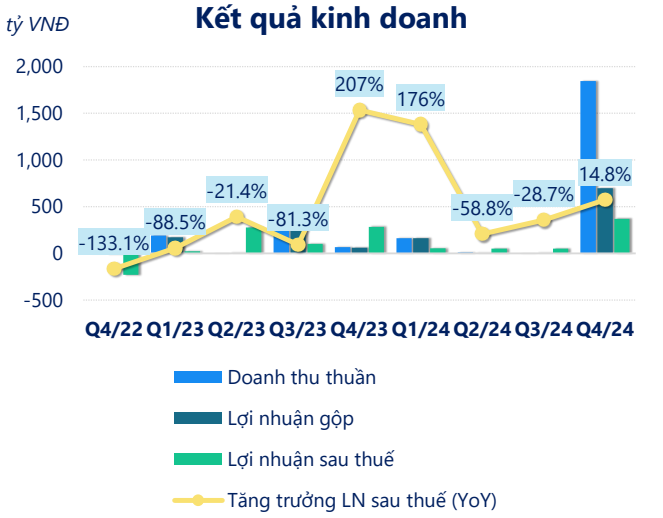
2024

5.0%

+/- YoY: ▼ 2.3%

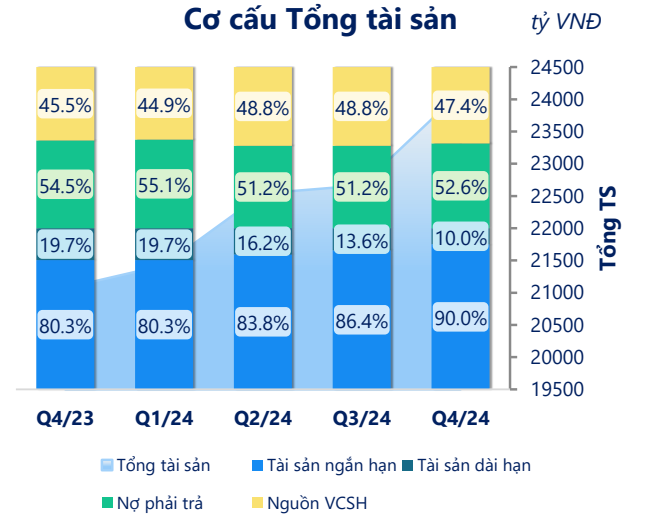
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



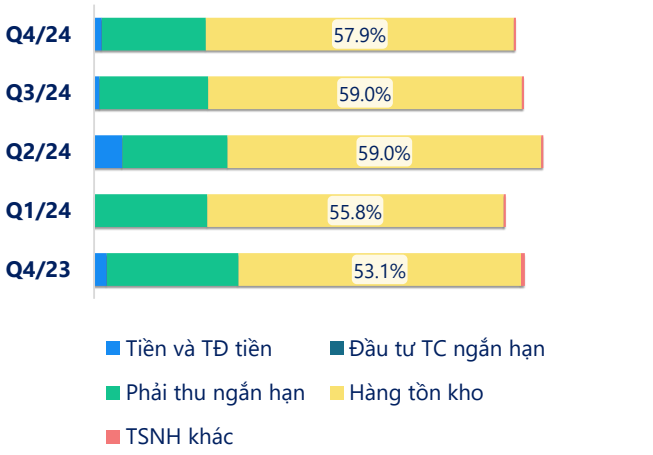
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



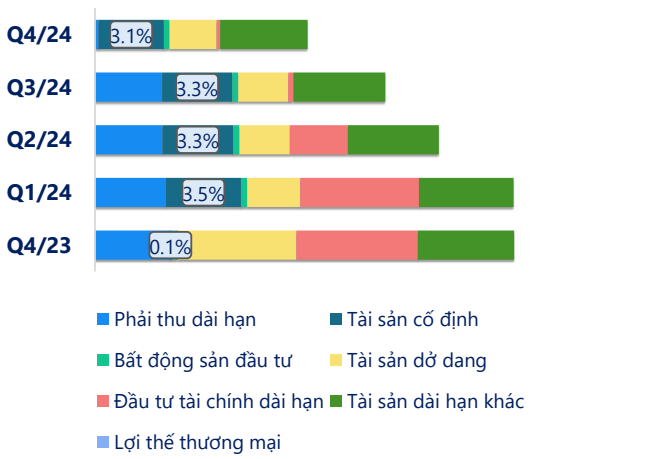
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



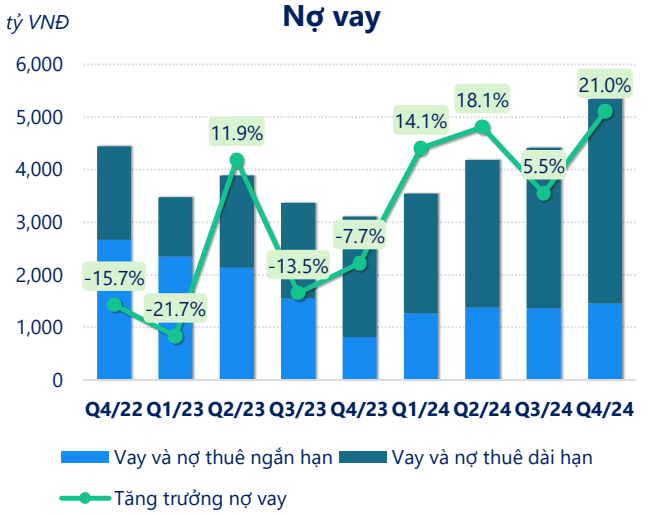
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



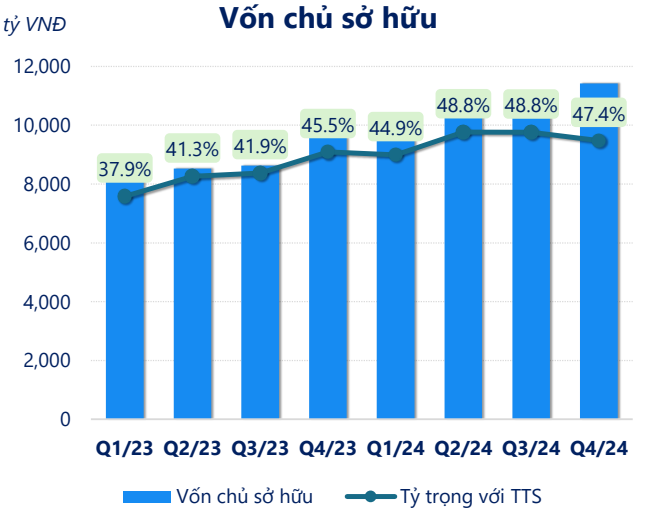
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



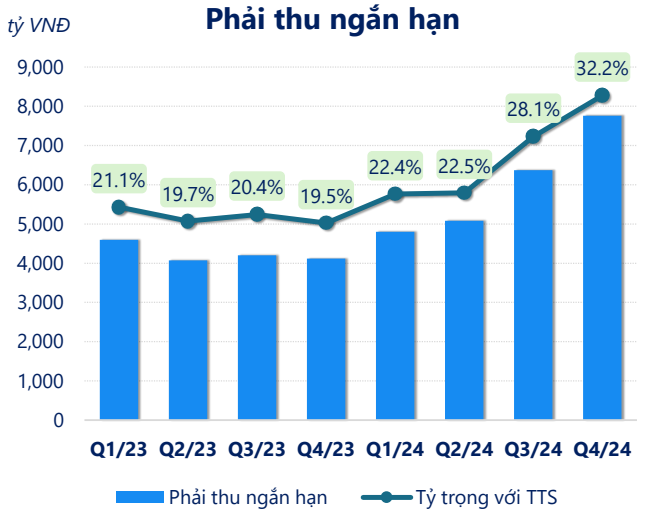
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



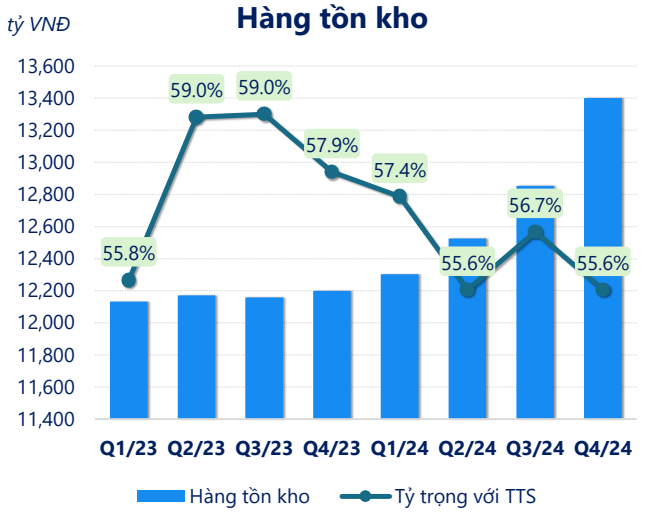
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



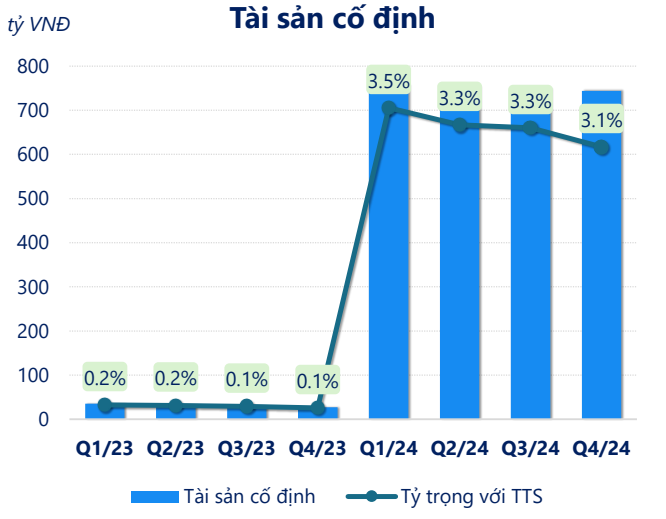
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



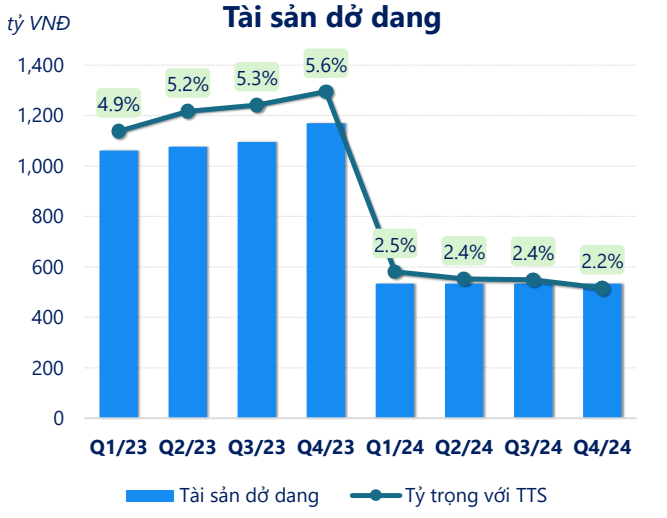
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



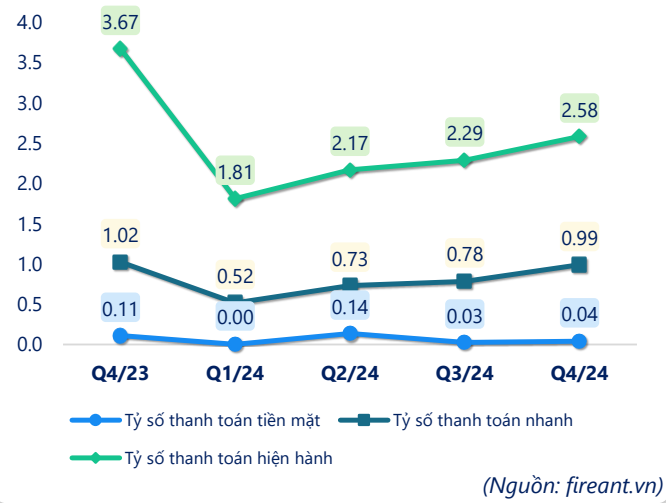
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



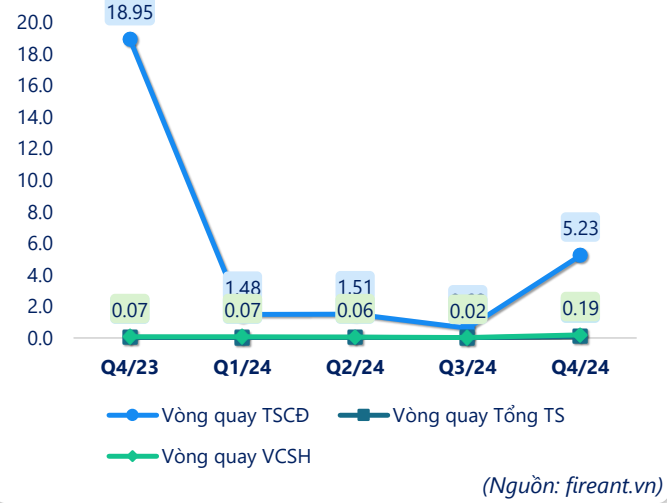
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**21,070**	**21,428**	**22,539**	**22,663**	**24,116**
Tài sản ngắn hạn	**16,918**	**17,210**	**18,894**	**19,571**	**21,706**
Tiền và tương đương tiền	505	19.3	1,190	221	344
Đầu tư tài chính ngắn hạn	15.4	15.4	15.4	15.4	115
Phải thu ngắn hạn	4,117	4,801	5,079	6,370	7,762
Hàng tồn kho	12,200	12,302	12,524	12,854	13,400
Tài sản ngắn hạn khác	81.5	72.6	85.1	111	84.6
Tài sản dài hạn	**4,151**	**4,218**	**3,645**	**3,093**	**2,410**
Phải thu dài hạn	733	714	714	714	38.7
Tài sản cố định	27.0	756	752	748	744
Bất động sản đầu tư	64.8	64.4	64.0	63.6	63.2
Tài sản dở dang	1,170	533	533	533	533
Đầu tư tài chính dài hạn	1,202	1,195	617	53.1	38.0
Tài sản dài hạn khác	955	955	964	980	993
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**11,491**	**11,797**	**11,533**	**11,606**	**12,693**
Nợ ngắn hạn	**4,606**	**9,499**	**8,701**	**8,558**	**8,400**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	815	1,265	1,373	1,366	1,455
Phải trả người bán ngắn hạn	245	210	208	182	198
Nợ dài hạn	6,885	2,298	2,831	3,049	4,293
Vay và nợ thuê dài hạn	2,290	2,277	2,810	3,049	3,889
Nguồn vốn chủ sở hữu	**9,579**	**9,631**	**11,006**	**11,057**	**11,424**
Vốn chủ sở hữu	**9,579**	**9,631**	**11,006**	**11,057**	**11,424**
Vốn điều lệ	7,388	7,388	8,731	8,731	8,731
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)